

Số: 135/TB-UBND

Điện Biên, ngày 17 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

Để thực hiện dự án: Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên (trên địa bàn xã Thanh Xương)

Căn cứ Luật Đất đai, ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP, ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư 30/2014/TT-BTNMT, ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT, ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND, ngày 17 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình “Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội tỉnh Điện Biên” vay vốn ODA của cơ quan phát triển Pháp; Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Điện Biên; Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ủy quyền cho UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất theo quy định tại khoản 3, Điều 66 Luật Đất đai năm 2013;

Trên cơ sở Hồ sơ địa chính và mảnh trích đo, trích lục, chỉnh lý địa chính số 202 năm 2022, dự án: Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên do Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng Duy Cường thực hiện ngày 07/11/2022, UBND xã Thanh Xương xác nhận 09/11/2022 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên phê duyệt ngày 14/11/2022;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 311/TTr-TNMT, ngày 11/7/2023, UBND huyện Điện Biên thông báo các nội dung cụ thể như sau:

1. Thu hồi đất để thực hiện dự án: Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên (trên địa bàn xã Thanh Xương) thực hiện thu hồi đất với tổng diện tích dự kiến là **90.965,0 m²** đất của 103 hộ gia đình, cá nhân, 01 tổ chức (UBND xã Thanh Xương).

(Có danh sách chi tiết các chủ sử dụng đất kèm theo)

2. Lý do thu hồi đất: Để thực hiện dự án: Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên theo điểm b khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai năm 2013.

3. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm:

Trong khoảng thời gian dự kiến: từ ngày 15/7/2023 đến ngày 29/2/2024.

4. Giao UBND xã Thanh Xương thực hiện các nội dung công việc sau:

Bản giao Thông báo này đến các hộ gia đình, cá nhân, tập thể thôn, bản và tổ chức có đất bị thu hồi, việc tiếp nhận Thông báo phải được lập Biên bản bàn giao, có xác nhận của đại diện hộ gia đình hoặc người đại diện hợp pháp theo quy định; trường hợp người sử dụng đất không nhận Thông báo hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản và có xác nhận của tối thiểu 02 người chứng kiến; niêm yết công khai Thông báo này tại trụ sở UBND xã Thanh Xương, tại địa điểm sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư nơi có đất bị thu hồi.

5. Đề nghị các hộ gia đình, cá nhân, tập thể thôn, bản và tổ chức có đất bị thu hồi thực hiện các nội dung sau:

Các hộ gia đình, cá nhân, tập thể thôn, bản và tổ chức có đất bị thu hồi để thực hiện dự án: Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên có trách nhiệm phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, UBND xã Thanh Xương và các đơn vị, tổ chức liên quan thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, tập thể bản hoặc tổ chức không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

Trường hợp chủ sử dụng đất có biến động, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thu thập hồ sơ biến động về quyền sử dụng đất, báo cáo cấp có thẩm quyền chỉnh lý hồ sơ, thực hiện thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như mục 4, mục 5;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Công thông tin điện tử của huyện;
- Các cơ quan: TN&MT, TCLNVBTGPMB;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Cường

Biểu tổng hợp các chủ sử dụng đất có đất nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên (trên địa bàn xã Thanh Xương)

(Kèm theo Thông báo số 135/TB-UBND, ngày 17/7/2023 của UBND huyện Điện Biên)

| STT | Tên chủ sử dụng đất | Địa chỉ thửa đất | Tờ ĐĐ | Số thửa | Loại đất | Tổng diện tích đo đạc | Tổng diện tích ảnh hưởng |
|-----|---------------------------------|-------------------------|-------|---------|-------------|-----------------------|--------------------------|
| 1 | Bùi Thị Thoa | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 61 | BHK | 1.345,3 | 1.260,6 |
| 2 | Vũ Văn Tuyên | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 69 | BHK | 2.320,0 | 748,2 |
| 3 | Vũ Hồng Lịch | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 43 | BHK | 452,5 | 452,5 |
| | | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 71 | BHK | 495,5 | 132,2 |
| | | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 83 | BHK | 23,2 | 23,2 |
| 4 | Vì Văn Bun (Phúc) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 43 | BHK | 956,7 | 430,3 |
| 5 | Vũ Hùng Sử | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 50 | BHK | 910,8 | 910,8 |
| 6 | Vũ Hùng Sử | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 29 | BHK | 722,2 | 722,2 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 30 | ONT+ CLN | 1.483,8 | 1.148,0 |
| 7 | Vũ Quang Trọng | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 44 | ONT | 115,9 | 70,6 |
| 8 | UBND xã Thanh Xương | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 82 | BCS | 1.272,2 | 1.272,2 |
| 9 | UBND xã | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 47 | BCS | 228,1 | 2,0 |
| 10 | Bùi Thị Hằng | Thôn C9, xã Thanh Xương | 15 | 14 | CLN | 487,0 | 186,0 |
| 11 | Trần Văn Lanh, Nguyễn Thị Hồng | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 55 | BHK | 2.065,1 | 2.065,1 |
| 12 | Trần Văn Hùng, Bùi Thị Xuân | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 48 | CLN | 1.194,0 | 121,3 |
| 13 | Trần Văn Côi | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 37 | BHK | 4.521,8 | 4.218,4 |
| 14 | Trần Quang Tâm (Hữu) | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 87 | BHK | 1.373,8 | 1.373,8 |
| | | Đội C17, xã Thanh Xương | 19 | 3 | BHK | 4.458,6 | 2.949,2 |
| 15 | Trần Thị Luyện | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 77 | BHK | 2.518,0 | 859,3 |
| 16 | Trần Thị Chinh | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 17 | BHK | 589,4 | 229,0 |
| 17 | Trần Hùng Ngọc | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 41 | BHK | 983,4 | 25,0 |
| 18 | Tòng Văn Hạnh | Đội 4A, xã Thanh Xương | 15 | 44 | BHK | 730,2 | 88,6 |
| 19 | Tô Xuân Hiếu | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 66 | BHK | 3.570,7 | 1.026,1 |
| 20 | Tô Minh Hà, Đỗ Thị Ngát | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 54 | BHK | 467,5 | 407,8 |
| 21 | Tô Minh Hà, Đỗ Thị Ngát | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 14 | ONT+ CLN | 1.722,5 | 53,0 |
| 22 | Trần Đình Trung, Phạm Thị Dương | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 20 | BHK | 1.035,6 | 1.035,6 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 23 | BHK | 388,2 | 388,2 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 24 | BHK | 262,5 | 262,5 |
| 23 | Quàng Văn Thuận | Đội 4A, xã Thanh Xương | 15 | 45 | BHK | 2.280,4 | 193,8 |
| 24 | Quàng Văn Phòng (Xuân) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 55 | BHK | 2.110,3 | 1.126,7 |
| 25 | Quàng Văn Sinh (Hoa) | Đội C17, xã Thanh Xương | 17 | 32 | BHK | 5.286,5 | 372,2 |
| 26 | Quàng Văn Cháng | Đội 4B, xã Thanh Xương | 15 | 42 | BHK | 694,1 | 147,8 |
| 27 | Quàng Văn Dung (Thương) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 51 | BHK | 941,6 | 374,8 |
| 28 | Quàng Văn Hường (Hưng) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 58 | BHK | 2.490,0 | 1.322,7 |



| STT | Tên chủ sử dụng đất | Địa chỉ thửa đất | Tờ ĐD | Số thửa | Loại đất | Tổng diện tích đo đạc | Tổng diện tích ảnh hưởng |
|-----|-------------------------------------|----------------------------|----------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------------|
| 29 | Quàng Văn Đảng | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 90 | BHK | 1.985,1 | 1.985,1 |
| 30 | Quàng Thị La (Tiên) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 22 | BHK | 564,4 | 329,4 |
| 31 | Quàng Văn Piêng | Đội C17, xã Thanh Xương | 19 | 2 | CLN | 1.034,4 | 570,6 |
| | | Đội C17, xã Thanh Xương | 19 | 5 | BHK | 2.399,2 | 2.283,1 |
| 32 | UBND xã Thanh Xương | Đội C17, xã Thanh Xương | 19 | 16 | BHK | 1.415,7 | 1.415,7 |
| | | Đội C17, xã Thanh Xương | 19 | 39 | BHK | 788,6 | 733,4 |
| 33 | Phạm Hồng Quân | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 10 | BHK | 409,1 | 178,9 |
| 34 | Phạm Thị Mận (Mai) | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 9 | BHK | 1.236,6 | 433,1 |
| 35 | Phạm Văn Dưỡng | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 13 | BHK | 895,7 | 495,8 |
| 36 | Phạm Hồng Quân | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 33 | BHK | 703,4 | 19,1 |
| 37 | Nguyễn Văn Quyết (Hoa) | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 49 | BHK | 552,5 | 552,5 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 1 | ONT+ CLN | 1.487,6 | 236,2 |
| 38 | Nguyễn Văn Toàn (Yến) | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 58 | BHK | 1.653,5 | 1.653,5 |
| | | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 74 | BHK | 1.309,0 | 283,0 |
| 39 | Nguyễn Văn Dũng | Bản Bom La, xã Thanh Xương | 17 | 10 | BHK | 833,2 | 833,2 |
| 40 | Nguyễn Văn Lợi | Đội C17, xã Thanh Xương | 19 | 4 | BHK | 1.770,7 | 9,3 |
| 41 | Nguyễn Văn Long | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 81 | BHK | 1.459,3 | 172,9 |
| | | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 25 | BHK | 266,6 | 6,3 |
| 42 | Nguyễn Thị Vân | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 3 | BHK | 738,1 | 220,2 |
| 43 | Nguyễn Thị Lý (Miên) | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 13 | ONT+ CLN | 1.375,8 | 1,6 |
| 44 | Nguyễn Thị Lý | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 45 | BHK | 636,2 | 24,9 |
| 45 | Nguyễn Thị Chung, Đình Văn Lâm | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 72 | BHK | 1.357,9 | 0,3 |
| 46 | Nguyễn Đức Ngân, Nguyễn Thị Huân | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 41 | BHK | 737,5 | 737,5 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 47 | BHK | 192,9 | 192,9 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 21 | BHK | 124,4 | 124,4 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 25 | BHK | 263,1 | 263,1 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 26 | BHK | 308,1 | 308,1 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 28 | BHK | 164,6 | 164,6 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 35 | ONT+ CLN | 1.894,5 | 991,6 |
| 47 | Nguyễn Thị Chinh | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 16 | BHK | 975,5 | 685,6 |
| 48 | Nghiêm Thị Hòa | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 52 | BHK | 305,4 | 230,2 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 16 | ONT + | 2.063,6 | 178,5 |
| 49 | Lường Văn Chương | Bản Bom La, xã Thanh Xương | 17 | 9 | BHK | 1.035,1 | 799,3 |
| 50 | Lò Văn Tiên (Nhưng) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 47 | BHK | 1.005,7 | 745,8 |
| 51 | Lò Văn Tuấn (Xương) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 85 | BHK | 897,3 | 6,4 |
| | | Đội C17, xã Thanh Xương | 17 | 2 | BHK | 906,0 | 699,6 |
| 52 | Lù Văn Thành (Thiên) | Đội C17, xã Thanh Xương | 17 | 3 | BHK | 1.477,9 | 845,3 |
| 53 | Lù Văn Hùng (Thu) | Đội C17, xã Thanh Xương | 17 | 4 | BHK | 518,6 | 319,0 |
| 54 | Lương Đức Toàn (Miên) | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 51 | BHK | 1.336,8 | 1.323,2 |

| STT | Tên chủ sử dụng đất | Địa chỉ thửa đất | Tờ ĐD | Số thửa | Loại đất | Tổng diện tích đo đạc | Tổng diện tích ảnh hưởng |
|-----|-----------------------------------|-------------------------|----------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------------|
| | Lương Đức Toàn (Miền) | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 7 | ONT + | 948,3 | 116,0 |
| 55 | Lò Văn Thịnh, Hoàng Thị | Đội C3, xã Thanh Xương | 15 | 32 | BHK | 1.382,2 | 985,7 |
| 56 | Lò Văn Thiên (Thuý) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 63 | BHK | 1.008,4 | 631,3 |
| 57 | Lò Văn Sương (Khuyến) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 73 | BHK | 458,2 | 385,6 |
| 58 | Lò Văn Thoại (Duyên) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 86 | BHK | 2.143,6 | 1.198,6 |
| 59 | Lò Văn Pánh | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 13 | BHK | 3.496,0 | 1.082,4 |
| 60 | Lò Văn Ấn (Chung) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 33 | BHK | 1.460,9 | 784,9 |
| 61 | Lò Văn Hoa (Thiên) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 53 | BHK | 227,9 | 0,4 |
| 62 | Lò Văn Lún (Là) | Bản Bom La, xã Thanh Xu | 17 | 6 | BHK | 1.720,1 | 413,4 |
| | | Bản Bom La, xã Thanh Xu | 17 | 11 | BHK | 279,7 | 247,8 |
| 63 | Lò Văn Hương | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 16 | BHK | 7.996,2 | 2.133,7 |
| 64 | Lường Thị Ôn | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 41 | BHK | 5.267,5 | 5.089,6 |
| 65 | Lò Thế Việt | Đội 4A, xã Thanh Xương | 15 | 27 | BHK | 1.922,1 | 1.653,4 |
| 66 | Lò Văn Chiến (Diên) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 23 | BHK | 646,8 | 247,1 |
| 67 | Lò Văn Hoà (Loan) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 37 | BHK | 1.907,6 | 696,3 |
| 68 | Lường Thị Thái | Bản Bom La, xã Thanh Xu | 17 | 13 | BHK | 3.130,4 | 695,6 |
| 69 | Lò Thị Loan | Đội 4B, xã Thanh Xương | 15 | 38 | BHK | 1.247,5 | 756,0 |
| 70 | Lò Thị Biên | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 8 | BHK | 4.172,5 | 3.142,2 |
| 71 | Lò Thị Uôn | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 12 | BHK | 3.665,2 | 1.514,8 |
| 72 | Lò Thị Hiền | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 27 | BHK | 1.328,2 | 119,8 |
| 73 | Lê Quang Hùng (Thảo) | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 56 | BHK | 621,5 | 330,8 |
| 74 | Lê Thị Huệ | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 67 | BHK | 723,3 | 427,2 |
| 75 | Lê Thị Hằng | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 5 | BHK | 1.489,2 | 437,1 |
| 76 | Lê Thị Dân | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 31 | BHK | 406,5 | 250,6 |
| 77 | Lê Thị Dân | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 48 | BHK | 110,8 | 110,8 |
| | | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 73 | BHK | 601,7 | 139,7 |
| 78 | Hoàng Thị Dung | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 65 | BHK | 306,1 | 122,8 |
| | | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 76 | BHK | 1.068,8 | 316,7 |
| 79 | Lê Quang Hùng, Nguyễn Thị Thảo | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 18 | BHK | 1.582,9 | 761,5 |
| 80 | Lê Đức Thuật | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 18 | BHK | 520,4 | 17,4 |
| 81 | Đồng Đức Cương (Luyện) | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 86 | BHK | 1.615,8 | 1.615,8 |
| 82 | Đinh Thị Mến | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 1 | BHK | 932,3 | 97,6 |
| 83 | Đinh Thị Miên | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 80 | BHK | 2.320,2 | 168,2 |
| 84 | Đỗ Thị Năm | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 26 | BHK | 1.587,0 | 349,9 |
| 85 | Đào Công Toanh | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 3 | BHK | 1.502,7 | 130,9 |
| 86 | Đào Đình Du, Phạm Thị Nga | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 45 | BHK | 1.018,0 | 1.018,0 |
| 87 | Đào Đình Du, Phạm Thị Nga | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 5 | ONT + | 1.076,3 | 65,1 |
| 88 | Đào Thị Nữ | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 27 | BHK | 458,2 | 302,5 |
| 89 | Cà Văn Phương | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 18 | BHK | 1.222,9 | 552,9 |
| 90 | Cà Văn Phong (Quỳnh) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 27 | BHK | 662,5 | 276,3 |
| 91 | Cà Văn Sơn (Hặc) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 78 | BHK | 1.645,9 | 657,1 |
| 92 | Cà Văn Lún (Nhật) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 81 | BHK | 2.306,7 | 1.890,9 |
| 93 | Chu Thị Hoà | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 11 | BHK | 464,8 | 184,1 |
| 94 | Cà Văn Lâm (Tùng) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 29 | BHK | 748,2 | 329,7 |

| STT | Tên chủ sử dụng đất | Địa chỉ thửa đất | Tờ ĐĐ | Số thửa | Loại đất | Tổng diện tích đo đạc | Tổng diện tích ảnh hưởng |
|-------------|-----------------------------------|-------------------------|----------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------------|
| 95 | Cà Văn Hương (Hiên) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 83 | BHK | 2.761,4 | 1.285,8 |
| 96 | Bùi Mạnh Cường, Đặng Thị Lan | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 6 | BHK | 547,5 | 200,6 |
| 97 | Bùi Văn Xuân, Đặng Thị Phương | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 12 | BHK | 448,9 | 191,6 |
| | | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 32 | BHK | 338,6 | 16,9 |
| 98 | Trần Văn Hà | Đội C17, xã Thanh Xương | 19 | 1 | ONT+ CLN | 5.901,9 | 1.652,2 |
| | | Đội C17, xã Thanh Xương | 19 | 6 | BHK | 6.427,5 | 6.427,5 |
| 99 | Lê Thị Dân | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 84 | BHK | 40,2 | 40,2 |
| 100 | Phạm Hải Dương | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 50 | BHK | 421,2 | 402,7 |
| 101 | Nguyễn Thị Hương | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 52 | BHK | 1.374,0 | 156,8 |
| 102 | Vũ Thị Thiên Anh | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 51 | BHK | 535,8 | 485,4 |
| 103 | Đỗ Xuân Sơn (Thìn) | Đội C17, xã Thanh Xương | 19 | 8 | BHK | 1.403,2 | 699,4 |
| 104 | Vũ Thị Hồi, Bùi Hữu Bình | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 62 | BHK | 119,2 | 1,0 |
| 105 | Lê Quang Hùng | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 17 | BHK | 67,7 | 67,7 |
| 106 | Lê Quang Hùng, Nguyễn Thị Thảo | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 22 | BHK | 218,1 | 22,1 |
| Tổng | | | | | | 179.097,2 | 90.965,0 |

Handwritten signature

Số: 311 /TTr-TNMT

Điện Biên, ngày 11 tháng 7 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Thông báo thu hồi đất và Kế hoạch thu hồi đất để thực hiện dự án: Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên (trên địa bàn xã Thanh Xương)

Kính gửi: UBND huyện Điện Biên.

Căn cứ Luật Đất đai, ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP, ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT, ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT, ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Thông tư 33/2017/TT-BTNMT, ngày 29 tháng 9 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND, ngày 17 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình “Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội tỉnh Điện Biên” vay vốn ODA của Cơ quan phát triển Pháp;

Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ủy quyền cho UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất theo quy định tại khoản 3, Điều 66 Luật Đất đai năm 2013;

Trên cơ sở Hồ sơ địa chính và mảnh trích đo, trích lục, chính lý địa chính số 202 năm 2022, dự án: Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên do Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng Duy Cường thực hiện ngày

07/11/2022, được UBND xã Thanh Xương xác nhận ngày 09/11/2022 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên phê duyệt ngày 14/11/2022;

Để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án: Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên, Phòng Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND huyện Điện Biên phê duyệt, ban hành Thông báo thu hồi đất và Kế hoạch thu hồi đất với các nội dung sau:

1. Nội dung Thông báo thu hồi đất và Kế hoạch thu hồi đất dự án:

Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên (trên địa bàn xã Thanh Xương) thực hiện thu hồi đất của 103 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức (UBND xã Thanh Xương) với tổng diện tích đất dự kiến thực hiện thu hồi là: **90.965,0 m²**.

(Có biểu tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Lý do thu hồi đất: Để thực hiện dự án: Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên theo Điểm b, Khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai năm 2013.

3. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm

Trong khoảng thời gian dự kiến: từ ngày 15/7/2023 đến 29/2/2024.

Trường hợp người sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất đồng ý đề cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất trước thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 67 Luật Đất đai năm 2013 thì Đơn vị thực hiện việc đo đạc, kiểm đếm và giải phóng mặt bằng nhanh chóng triển khai thực hiện theo quy định.

4. Tổ chức thực hiện:

Các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức có đất bị thu hồi thuộc dự án: Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên có trách nhiệm phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, UBND xã Thanh Xương thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp các chủ sử dụng đất không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

Phòng Tài nguyên và Môi trường kính đề nghị UBND huyện xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Đặng Văn Tuấn

Biểu tổng hợp các chủ sử dụng đất có đất nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên (trên địa bàn xã Thanh Xương)

(Kèm theo Tờ trình số 311/TTr-TNMT, ngày 11/7/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện)

| STT | Tên chủ sử dụng đất | Địa chỉ thửa đất | Tờ ĐĐ | Số thửa | Loại đất | Tổng diện tích đo đạc | Tổng diện tích ảnh hưởng |
|-----|---------------------------------|-------------------------|-------|---------|-------------|-----------------------|--------------------------|
| 1 | Bùi Thị Thoa | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 61 | BHK | 1.345,3 | 1.260,6 |
| 2 | Vũ Văn Tuyến | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 69 | BHK | 2.320,0 | 748,2 |
| 3 | Vũ Hồng Lịch | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 43 | BHK | 452,5 | 452,5 |
| | | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 71 | BHK | 495,5 | 132,2 |
| | | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 83 | BHK | 23,2 | 23,2 |
| 4 | Vì Văn Bun (Phúc) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 43 | BHK | 956,7 | 430,3 |
| 5 | Vũ Hùng Sử | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 50 | BHK | 910,8 | 910,8 |
| 6 | Vũ Hùng Sử | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 29 | BHK | 722,2 | 722,2 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 30 | ONT+ CLN | 1.483,8 | 1.148,0 |
| 7 | Vũ Quang Trọng | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 44 | ONT | 115,9 | 70,6 |
| 8 | UBND xã Thanh Xương | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 82 | BHK | 1.272,2 | 1.272,2 |
| 9 | UBND xã | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 47 | BCS | 228,1 | 2,0 |
| 10 | Bùi Thị Hằng | Thôn C9, xã Thanh Xương | 15 | 14 | CLN | 487,0 | 186,0 |
| 11 | Trần Văn Lanh | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 55 | BHK | 2.065,1 | 2.065,1 |
| 12 | Trần Văn Hùng, Bùi Thị Xuân | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 48 | CLN | 1.194,0 | 121,3 |
| 13 | Trần Văn Côi | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 37 | BHK | 4.521,8 | 4.218,4 |
| 14 | Trần Quang Tâm (Hữu) | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 87 | BHK | 1.373,8 | 1.373,8 |
| | | Đội C17, xã Thanh Xương | 19 | 3 | BHK | 4.458,6 | 2.949,2 |
| 15 | Trần Thị Luyên | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 77 | BHK | 2.518,0 | 859,3 |
| 16 | Trần Thị Chinh | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 17 | BHK | 589,4 | 229,0 |
| 17 | Trần Hùng Ngọc | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 41 | BHK | 983,4 | 25,0 |
| 18 | Tòng Văn Hạnh | Đội 4A, xã Thanh Xương | 15 | 44 | BHK | 730,2 | 88,6 |
| 19 | Tô Xuân Hiều | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 66 | BHK | 3.570,7 | 1.026,1 |
| 20 | Tô Minh Hà, Đỗ Thị Ngá | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 54 | BHK | 467,5 | 407,8 |
| 21 | Tô Minh Hà, Đỗ Thị Ngá | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 14 | ONT+ CLN | 1.722,5 | 53,0 |
| 22 | Trần Đình Trung, Phạm Thị Dương | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 20 | BHK | 1.035,6 | 1.035,6 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 23 | BHK | 388,2 | 388,2 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 24 | BHK | 262,5 | 262,5 |
| 23 | Quàng Văn Thuận | Đội 4A, xã Thanh Xương | 15 | 45 | BHK | 2.280,4 | 193,8 |
| 24 | Quàng Văn Phòng (Xuân) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 55 | BHK | 2.110,3 | 1.126,7 |
| 25 | Quàng Văn Sinh (Hoa) | Đội C17, xã Thanh Xương | 17 | 32 | BHK | 5.286,5 | 372,2 |
| 26 | Quàng Văn Cháng | Đội 4B, xã Thanh Xương | 15 | 42 | BHK | 694,1 | 147,8 |
| 27 | Quàng Văn Dung (Thươn | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 51 | BHK | 941,6 | 374,8 |

| STT | Tên chủ sử dụng đất | Địa chỉ thửa đất | Tờ ĐD | Số thửa | Loại đất | Tổng diện tích đo đạc | Tổng diện tích ảnh hưởng |
|-----|-------------------------------------|----------------------------|----------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------------|
| 28 | Quàng Văn Hường (Hung) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 58 | BHK | 2.490,0 | 1.322,7 |
| 29 | Quàng Văn Páng | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 90 | BHK | 1.985,1 | 1.985,1 |
| 30 | Quàng Thị Lả (Tiên) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 22 | BHK | 564,4 | 329,4 |
| 31 | Quàng Văn Piêng | Đội C17, xã Thanh Xương | 19 | 2 | CLN | 1.034,4 | 570,6 |
| | | Đội C17, xã Thanh Xương | 19 | 5 | BHK | 2.399,2 | 2.283,1 |
| 32 | UBND xã Thanh Xương | Đội C17, xã Thanh Xương | 19 | 16 | BHK | 1.415,7 | 1.415,7 |
| | | Đội C17, xã Thanh Xương | 19 | 39 | BHK | 788,6 | 733,4 |
| 33 | Phạm Hồng Quân | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 10 | BHK | 409,1 | 178,9 |
| 34 | Phạm Thị Mận (Mai) | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 9 | BHK | 1.236,6 | 433,1 |
| 35 | Phạm Văn Dưỡng | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 13 | BHK | 895,7 | 495,8 |
| 36 | Phạm Hồng Quân | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 33 | BHK | 703,4 | 19,1 |
| 37 | Nguyễn Văn Quyết (Hoa) | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 49 | BHK | 552,5 | 552,5 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 1 | ONT+ CLN | 1.487,6 | 236,2 |
| 38 | Nguyễn Văn Toàn (Yến) | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 58 | BHK | 1.653,5 | 1.653,5 |
| | | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 74 | BHK | 1.309,0 | 283,0 |
| 39 | Nguyễn Văn Dũng | Bản Bom La, xã Thanh Xương | 17 | 10 | BHK | 833,2 | 833,2 |
| 40 | Nguyễn Văn Lợi | Đội C17, xã Thanh Xương | 19 | 4 | BHK | 1.770,7 | 9,3 |
| 41 | Nguyễn Văn Long | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 81 | BHK | 1.459,3 | 172,9 |
| | | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 25 | BHK | 266,6 | 6,3 |
| 42 | Nguyễn Thị Vân | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 3 | BHK | 738,1 | 220,2 |
| 43 | Nguyễn Thị Lý (Miên) | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 13 | ONT+ CLN | 1.375,8 | 1,6 |
| 44 | Nguyễn Thị Lý | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 45 | BHK | 636,2 | 24,9 |
| 45 | Nguyễn Thị Chung, Đình Văn Lâm | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 72 | BHK | 1.357,9 | 0,3 |
| 46 | Nguyễn Đức Ngân, Nguyễn Thị Huấn | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 41 | BHK | 737,5 | 737,5 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 47 | BHK | 192,9 | 192,9 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 21 | BHK | 124,4 | 124,4 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 25 | BHK | 263,1 | 263,1 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 26 | BHK | 308,1 | 308,1 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 28 | BHK | 164,6 | 164,6 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 35 | ONT+ CLN | 1.894,5 | 991,6 |
| 47 | Nguyễn Thị Chinh | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 16 | BHK | 975,5 | 685,6 |
| 48 | Nghiêm Thị Hòa | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 52 | BHK | 305,4 | 230,2 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 16 | ONT + | 2.063,6 | 178,5 |
| 49 | Lường Văn Chương | Bản Bom La, xã Thanh Xương | 17 | 9 | BHK | 1.035,1 | 799,3 |
| 50 | Lò Văn Tiến (Nhưng) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 47 | BHK | 1.005,7 | 745,8 |
| 51 | Lò Văn Tuấn (Xương) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 85 | BHK | 897,3 | 6,4 |
| | | Đội C17, xã Thanh Xương | 17 | 2 | BHK | 906,0 | 699,6 |
| 52 | Lù Văn Thành (Thiên) | Đội C17, xã Thanh Xương | 17 | 3 | BHK | 1.477,9 | 845,3 |

| STT | Tên chủ sử dụng đất | Địa chỉ thửa đất | Tờ ĐD | Số thửa | Loại đất | Tổng diện tích đo đạc | Tổng diện tích ảnh hưởng |
|-----|-----------------------------------|----------------------------|----------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------------|
| 53 | Lù Văn Hùng (Thu) | Đội C17, xã Thanh Xương | 17 | 4 | BHK | 518,6 | 319,0 |
| 54 | Lương Đức Toàn (Miên) | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 51 | BHK | 1.336,8 | 1.323,2 |
| | | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 7 | ONT + | 948,3 | 116,0 |
| 55 | Lò Văn Thịnh, Hoàng Thị | Đội 3, xã Thanh Xương | 15 | 32 | BHK | 1.382,2 | 985,7 |
| 56 | Lò Văn Thiên (Thuý) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 63 | BHK | 1.008,4 | 631,3 |
| 57 | Lò Văn Sương (Khiên) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 73 | BHK | 458,2 | 385,6 |
| 58 | Lò Văn Thoại (Duyên) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 86 | BHK | 2.143,6 | 1.198,6 |
| 59 | Lò Văn Pánh | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 13 | BHK | 3.496,0 | 1.082,4 |
| 60 | Lò Văn Ín (Chung) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 33 | BHK | 1.460,9 | 784,9 |
| 61 | Lò Văn Hoa (Thiên) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 53 | BHK | 227,9 | 0,4 |
| 62 | Lò Văn Lún (Lả) | Bản Bom La, xã Thanh Xương | 17 | 6 | BHK | 1.720,1 | 413,4 |
| | | Bản Bom La, xã Thanh Xương | 17 | 11 | BHK | 279,7 | 247,8 |
| 63 | Lò Văn Hương | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 16 | BHK | 7.996,2 | 2.133,7 |
| 64 | Lường Thị Ôn | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 41 | BHK | 5.267,5 | 5.089,6 |
| 65 | Lò Thế Việt | Đội 4A, xã Thanh Xương | 15 | 27 | BHK | 1.922,1 | 1.653,4 |
| 66 | Lò Văn Chiến (Diên) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 23 | BHK | 646,8 | 247,1 |
| 67 | Lò Văn Hoà (Loan) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 37 | BHK | 1.907,6 | 696,3 |
| 68 | Lường Thị Thái | Bản Bom La, xã Thanh Xương | 17 | 13 | BHK | 3.130,4 | 695,6 |
| 69 | Lò Thị Loan | Đội 4B, xã Thanh Xương | 15 | 38 | BHK | 1.247,5 | 756,0 |
| 70 | Lò Thị Biên | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 8 | BHK | 4.172,5 | 3.142,2 |
| 71 | Lò Thị Uôn | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 12 | BHK | 3.665,2 | 1.514,8 |
| 72 | Lò Thị Hiền | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 27 | BHK | 1.328,2 | 119,8 |
| 73 | Lê Quang Hùng (Thảo) | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 56 | BHK | 621,5 | 330,8 |
| 74 | Lê Thị Huệ | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 67 | BHK | 723,3 | 427,2 |
| 75 | Lê Thị Hằng | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 5 | BHK | 1.489,2 | 437,1 |
| 76 | Lê Thị Dân | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 31 | BHK | 406,5 | 250,6 |
| 77 | Lê Thị Dân | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 48 | BHK | 110,8 | 110,8 |
| | | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 73 | BHK | 601,7 | 139,7 |
| 78 | Hoàng Thị Dung | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 65 | BHK | 306,1 | 122,8 |
| | | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 76 | BHK | 1.068,8 | 316,7 |
| 79 | Lê Quang Hùng, Nguyễn Thị Thảo | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 18 | BHK | 1.582,9 | 761,5 |
| 80 | Lê Đức Thuật | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 18 | BHK | 520,4 | 17,4 |
| 81 | Đông Đức Cường (Luyện) | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 86 | BHK | 1.615,8 | 1.615,8 |
| 82 | Đình Thị Mến | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 1 | BHK | 932,3 | 97,6 |
| 83 | Đình Thị Miên | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 80 | BHK | 2.320,2 | 168,2 |
| 84 | Đỗ Thị Năm | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 26 | BHK | 1.587,0 | 349,9 |
| 85 | Đào Văn Toanh | Đội C17, xã Thanh Xương | 18 | 3 | BHK | 1.502,7 | 130,9 |
| 86 | Đào Đình Du, Phạm Thị Nga | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 45 | BHK | 1.018,0 | 1.018,0 |
| 87 | Đào Đình Du, Phạm Thị Nga | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 5 | ONT + | 1.076,3 | 65,1 |
| 88 | Đào Thị Nữ | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 27 | BHK | 458,2 | 302,5 |
| 89 | Cà Văn Phương | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 18 | BHK | 1.222,9 | 552,9 |
| 90 | Cà Văn Phong (Quỳnh) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 27 | BHK | 662,5 | 276,3 |
| 91 | Cà Văn Sơn (Hặc) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 78 | BHK | 1.645,9 | 657,1 |

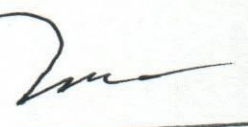
| STT | Tên chủ sử dụng đất | Địa chỉ thửa đất | Tờ BĐ | Số thửa | Loại đất | Tổng diện tích đo đạc | Tổng diện tích ảnh hưởng |
|-------------|-----------------------------------|-------------------------|----------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------------|
| 92 | Cà Văn Lún (Nhật) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 81 | BHK | 2.306,7 | 1.890,9 |
| 93 | Chu Thị Hoà | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 11 | BHK | 464,8 | 184,1 |
| 94 | Cà Văn Lâm (Tùng) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 29 | BHK | 748,2 | 329,7 |
| 95 | Cà Văn Hương (Hiên) | Đội C17, xã Thanh Xương | 16 | 83 | BHK | 2.761,4 | 1.285,8 |
| 96 | Bùi Mạnh Cường, Đặng Thị Lan | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 6 | BHK | 547,5 | 200,6 |
| 97 | Bùi Văn Xuân, Đặng Thị Phượng | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 12 | BHK | 448,9 | 191,6 |
| | | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 32 | BHK | 338,6 | 16,9 |
| 98 | Trần Văn Hà | Đội C17, xã Thanh Xương | 19 | 1 | ONT+ CLN | 5.901,9 | 1.652,2 |
| | | Đội C17, xã Thanh Xương | 19 | 6 | BHK | 6.427,5 | 6.427,5 |
| 99 | Lê Thị Dân | Thôn C9, xã Thanh Xương | 20 | 84 | BHK | 40,2 | 40,2 |
| 100 | Phạm Hải Dương | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 50 | BHK | 421,2 | 402,7 |
| 101 | Nguyễn Thị Hương | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 52 | BHK | 1.374,0 | 156,8 |
| 102 | Vũ Thị Thiên Anh | Thôn C9, xã Thanh Xương | 22 | 51 | BHK | 535,8 | 485,4 |
| 103 | Đỗ Xuân Sơn (Thìn) | Đội C17, xã Thanh Xương | 19 | 8 | BHK | 1.403,2 | 699,4 |
| 104 | Vũ Thị Hôi, Bùi Hữu Bình | Đội C9, xã Thanh Xương | 20 | 62 | BHK | 119,2 | 1,0 |
| 105 | Lê Quang Hùng | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 17 | BHK | 67,7 | 67,7 |
| 106 | Lê Quang Hùng, Nguyễn Thị Thảo | Đội C9, xã Thanh Xương | 21 | 22 | BHK | 218,1 | 22,1 |
| Tổng | | | | | | 179.097,2 | 90.965,0 |

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Huyền

TRƯỞNG PHÒNG

Đặng Văn Tuấn

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRUNG TÂM QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 202 /CV- TTQLĐĐ

Điện Biên, ngày 03 tháng 7 năm 2023

V/v xây dựng kế hoạch thu hồi đất và thông báo thu hồi dự án Quản lý Đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên (xã Thanh Xương).

Kính gửi: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện.

Căn cứ Luật Đất đai, ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1770/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình “Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên” vay vốn ODA của cơ quan phát triển Pháp.

Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-UBND, ngày 07 tháng 9 năm 2022 của tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Điện Biên.

Để bảo đảm tính pháp lý và đẩy nhanh công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên. Trung tâm Quản lý đất đai đề nghị phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu trình UBND huyện xây dựng kế hoạch thu hồi đất và thông báo thu hồi đất dự án Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên (xã Thanh Xương).

(Kèm theo 01 bộ hồ sơ địa chính, Mạnh trích đo địa chính và trích lục)

Trên đây là nội dung kính đề nghị của Trung tâm Quản lý đất đai đề nghị phòng Tài nguyên và Môi trường quan tâm, phối hợp, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đ/c Giám Đốc TTQLĐĐ (b/c);
- Ban QLDA các công trình NN-PTNT tỉnh (phối hợp);
- Lưu: TTQLĐĐ.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Xuân Hoàn